

HCTC

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 783 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**V/v tạm ứng ngân sách tỉnh năm 2016 để chi phục vụ công tác bầu cử
đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11, ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP, ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước; Thông tư số 59/2003/TT-BTC, ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 69/TTr-STC, ngày 15/3/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm ứng ngân sách tỉnh năm 2016 cho các đơn vị và các huyện, thị xã, thành phố, với tổng số tiền: 14.000 triệu đồng (mười bốn tỷ đồng), để chi phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021.

(chi tiết kinh phí cho từng đơn vị theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao Sở Tài chính lập thủ tục cấp phát kinh phí cho các đơn vị; Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện rút tạm ứng kinh phí theo quy định tại Thông tư số 206/2015/TT-BTC ngày 24/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; đồng thời chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng khoản kinh phí nêu trên theo đúng chế độ quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có tên ghi tại Điều 1 và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (thay b/c);
- Ủy ban Bầu cử tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, TCTM (J 50b).

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị



PHỤ LỤC
TẠM ỨNG KINH PHÍ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HĐND CÁC CẤP
(Kèm theo Quyết định số 783 /QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Số tiền
I	Các đơn vị khối tỉnh	1.500
1	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	80
2	Công an tỉnh	80
3	Ban Dân vận Tỉnh ủy	50
4	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	80
5	Sở Tư pháp	100
6	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	300
7	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	40
8	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	100
9	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	100
10	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh	400
11	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	20
12	Sở Thông tin và Truyền thông	100
13	Văn phòng UBND tỉnh	50
II	Các đơn vị Khối huyện, thị xã, thành phố	12.500
1	Thành phố Buôn Ma Thuột	1.400
2	Thị xã Buôn Hồ	700
3	Huyện M'Đrăk	900
4	Huyện Ea Kar	1.000
5	Huyện Krông Pắc	1.000
6	Huyện Cư Kuin	600
7	Huyện Krông Búk	500
8	Huyện Cư M'gar	900
9	Huyện Ea Súp	700
10	Huyện Krông Năng	1.000
11	Huyện Buôn Đôn	500
12	Huyện Krông Ana	500
13	Huyện Krông Bông	1.000
14	Huyện Ea H'Leo	1.000
15	Huyện Lắk	800
	Tổng cộng	14.000